

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 215/2026/HS-ST
Ngày: 27-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Đơn

Ông Huỳnh Hữu Lâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 261/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Quang T, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân số: 074076000975. Nơi cư trú: Số A, đường Đ, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Lê Kim T1; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- **Bị hại:** Ông Nguyễn Văn S (chết).

- **Người đại diện hợp pháp của bị hại:**

1. Bà Đỗ Ngọc H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A, đường N, tổ D, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vợ bị hại); có mặt.

2. Ông Nguyễn B, sinh năm 1996; địa chỉ: Số A, đường D, khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (con bị hại); có mặt.

3. Ông Đỗ T2, sinh năm 2001; Số A, đường N, tổ D, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (con bị hại); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn B, sinh năm 1996; địa chỉ: Số A, đường D, khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh năm 1968; địa chỉ: Số E, đường B, khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quang T có Giấy phép lái xe hạng C số 740973000538 do Sở Giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 18/9/2024, có giá trị sử dụng đến ngày 18/9/2029; T là tài xế chở vật liệu xây dựng cho bà Nguyễn Thị Ngọc B1. Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 29/12/2025, T điều khiển xe ô tô tải biển số 61C-598.42 lưu thông trên đường ĐX082 theo hướng từ đường M - T về Đại lộ B. Khi đi đến G và Đại lộ B, thuộc khu phố Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, T bật đèn tín hiệu cho xe chuyển hướng rẽ trái vào Đại lộ B. Do chuyển hướng thiếu quan sát, T không thấy xe đạp điện do ông Nguyễn Văn S điều khiển đã vào giao lộ, T đã để đầu xe bên trái của ô tô tải biển số 61C-598.42 va chạm vào bên phải của xe đạp điện do ông Nguyễn Văn S điều khiển, dẫn đến ông Nguyễn Văn S ngã xuống đường và chết tại hiện trường.

Theo Sơ đồ hiện trường, Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 29/12/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, thể hiện:

- Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông nằm trong giao lộ giữa Đại lộ B – ĐX082, mặt đường trải nhựa bằng phẳng, tầm nhìn của người điều khiển phương tiện không bị che khuất, mặt đường Đ được chia thành hai phần đường xe chạy ngược chiều nhau bởi dải phân cách cứng cố định ở giữa, trong đó chiều bên phải (theo hướng từ đường L đi đường T) được chia thành ba làn đường xe chạy bằng vạch sơn trắng, trong đó làn đường trong cùng bên phải rộng 3,5m (phân chia với làn giữa bằng vạch sơn trắng liền nét), làn đường giữa rộng 3,7m, làn đường ngoài cùng bên trái rộng 3,6m. Đường ĐX082 có hai phần đường xe chạy ngược chiều nhau, tuy nhiên vạch sơn phân chia phần đường, làn đường đã bị mờ, mặt đường có tổng chiều rộng là 10m.

- Điểm mốc: Lấy trụ điện không số bên lề phải của Đại lộ B theo hướng từ đường L đi đường T.

- Lề chuẩn: Lấy mép đường bên phải của Đại lộ B theo hướng từ đường L đi đường T và lấy mép đường bên phải của đường ĐX082 giới hạn trong giao lộ.

- Sau khi xảy ra vụ tai nạn giao thông, hiện trường để lại các dấu vết như sau: Hai vết phanh (vị trí số 1) mờ, đứt quãng, màu đen trong giao lộ, trong đó vết phanh bên phải dạng đôi dài 0,36m (cuối vết phanh này là trục bánh sau cùng bên phải), vết phanh bên trái dạng đôi dài 0,41m (cuối vết phanh này là trục bánh sau cùng bên trái). Xe ô tô tải biển số 61C-598.42 (vị trí số 2) dừng trên mặt đường trong giao lộ, phần đầu xe chệch về hướng Đại lộ B đi đường L, phần đuôi xe hướng về đường ĐX082 đi đường M Khoảng cách đo từ tâm trục bánh trước bên trái đến điểm mốc là 10,8m, đo từ tâm trục bánh sau bên trái đến lề chuẩn là 3,13m, đến điểm mốc là 9,05m, đo từ tâm trục bánh sau cùng bên phải đến lề chuẩn là 4,4m xe đạp điện (vị trí số 3) đỗ ngã bên trái trên mặt đường trong giao lộ, phần đầu xe hướng về đường T, phần đuôi xe hướng về đường L. T3 trục bánh trước cách lề chuẩn là 10,9m, cách điểm mốc là 13m, cách tâm trục bánh trước bên phải xe ô tô tải là 1,95m và tâm trục bánh sau cách lề chuẩn là 9,7m, cách điểm mốc là 11,8m, cách tâm trục bánh trước bên trái xe ô tô tải là 2,5m.

Theo Biên bản khám phương tiện ngày 29/12/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H thể hiện:

- Xe ô tô tải biển số 61C-598.42: Dấu vết trượt xước sơn màu đen, hằn khuyết nhựa ở mặt ngoài cạnh trái tấm lọc gió, kích thước 2x1,5cm, có chiều từ trái qua phải, từ trước về sau. Dấu vết trượt xước, bám dính chất màu trắng (dạng sơn) ở cạnh trái đầu khung biển số, kích thước 7x0,5cm, có chiều từ trái qua phải, từ trước về sau. Dấu vết trượt xước, bám dính chất màu đen (dạng cao su) ở mặt trước cản trước (dưới khung biển số), kích thước 8x3,7cm, có chiều từ trái qua phải, từ trước về sau.

- Xe đạp điện: Dấu vết trượt xước, bám dính chất màu đen (dạng sơn) ở cạnh trước đầu tay cầm phải, kích thước 2x1,5cm, có chiều từ trước về sau, từ phải qua trái. Dấu vết trượt xước sơn màu trắng, hằn móp cạnh dưới bên phải giỏ xe, kích thước 5x1,5cm, có chiều từ trước về sau, từ phải qua trái. Dấu vết trượt xước cao su, bám dính chất màu trắng (dạng sơn) ở cạnh phải lớp bánh trước, có chiều từ mặt lăn vào trục, ngược chiều chuyển động quay tiến của bánh xe. Mùi mòn các chi tiết bên trái gồm: Đầu tay cầm trái, bàn đạp trái, cạnh trái về chấn bùn bánh sau.

Về dấu vết va chạm: Theo kết luận giám định số 2256/KLGĐTT-KTHS ngày 23/01/2026 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận:

- Các dấu vết trượt xước sơn màu trắng, bám dính chất màu đen (dạng sơn) ở mặt ngoài giữa cản trước, trượt xước cạnh trái khung biển số và trượt xước ở mặt ngoài bên trái tấm lọc gió xe ô tô tải ben biển số 61C-598.42, có chiều từ trái qua phải, từ trước về sau phù hợp với các dấu vết trượt xước cao su, bám dính chất màu trắng (dạng sơn) ở cạnh phải lớp bánh trước, có chiều từ mặt lăn vào trục, trượt xước ở bên phải giỏ xe và trượt xước cạnh trước đầu tay cầm, tay phanh bên phải xe đạp, có chiều từ phải qua trái, từ trước về sau.

- Dấu vết va chạm giữa hai phương tiện được hình thành theo cơ chế va chạm giữa mặt trước bên trái đầu xe ô tô tải ben với mặt bên phải xe đạp, theo hướng từ phải qua trái của xe đạp tạo ra dấu vết trên hai xe.

- Vị trí va chạm trên mặt đường giữa hai phương tiện nằm ở khu vực đầu xe ô tô tải ký hiệu số (2) như trên Sơ đồ hiện trường.

Theo Kết luận giám định tử thi số 1008/KLGĐTT-KTHS ngày 05/01/2026 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận: Nguyên nhân chết của ông Nguyễn Văn S là do đa chấn thương, hậu quả của tai nạn giao thông gây: Bầm tụ máu dưới da và trong cơ vùng thái dương, cằm trái, bể xương hộp sọ vùng thái dương, cằm trái, xuất huyết, dập não vùng thái dương, cằm trái, gãy xương sườn số 02, 03, 04, 05 bên phải; dập rải rác hai phổi, rốn phải.

Theo Kết luận giám định số 6415/KLGĐTT-KTHS ngày 26/3/2026 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận: Khoảng 20ml dung dịch màu đỏ (mẫu máu) của Nguyễn Văn S, sinh năm 1961 được niêm phong gửi đến giám định: Có thành phần Ethanol (cồn), nồng độ 42,49 mg/100ml.

Sau khi xảy ra vụ va chạm giao thông, gia đình bị hại không yêu cầu Trần Quang T bồi thường thiệt hại và có đơn xin bãi nại, miễn trách nhiệm hình sự cho Trần Quang T.

Quá trình điều tra xác định: Xe ô tô tải biển số 61C-598.42 do bà Nguyễn Thị Ngọc B1 đứng tên chủ sở hữu; ngày 23/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe và giấy tờ xe cho bà B1, bà B1 không có yêu cầu nào khác. Đối với xe đạp điện do ông S điều khiển thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn B; ngày 27/01/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông B, ông B không có yêu cầu nào khác.

Tại Cáo trạng số 104/CT-VKSHCM-KV ngày 06/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Quang T để xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm; về trách nhiệm dân sự: Do đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết. Về xử lý vật chứng: Đã trả lại cho chủ sở hữu, nên không đề nghị giải quyết.

Tại phần tranh luận, bị cáo Trần Quang T không có ý kiến tranh luận.

Bà Đỗ Ngọc H, ông Nguyễn B, ông Đỗ T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc B1 không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Quang T: Bị cáo rất hối hận về việc làm

của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận giám định tử thi, kết luận giám định phương tiện và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Ngày 29/12/2025, Trần Quang T đã có hành vi điều khiển xe ô tô tải biển số 61C-598.42, khi đi đến giao lộ giữa đường ĐX082 và Đại lộ B, T cho xe chuyển hướng nhưng thiếu quan sát, không thấy xe đạp điện do ông Nguyễn Văn S điều khiển đã vào giao lộ, đã để đầu xe bên trái của ô tô tải đụng trúng xe đạp điện do ông Nguyễn Văn S điều khiển, dẫn đến ông Nguyễn Văn S ngã xuống đường và chết tại hiện trường. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Trần Quang T để xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhận thức, bị cáo Trần Quang T biết việc thiếu chú ý quan sát và chuyển hướng phương tiện giao thông khi chưa đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì ý thức chấp hành pháp luật kém nên bị cáo vẫn thực hiện, hành vi của bị cáo đã vi phạm Điều 15 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; nguyên nhân dẫn đến va chạm giao thông giữa xe bị cáo và xe của bị hại là do lỗi của bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quy định về trật tự an toàn giao thông đường bộ và tính mạng của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Như vậy, với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, phải có hình phạt tương xứng, để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, cũng như để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại cũng có một phần lỗi là điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi trong máu có nồng độ cồn 42,49 mg/100ml máu; người đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo nhất thời phạm tội, nên có khả năng tự cải tạo, nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội; do bị cáo có đủ các điều kiện theo hướng dẫn tại Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát sẽ quyết định miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo; do bị cáo còn phải lao động nuôi gia đình, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đã giao trả cho chủ sở hữu hợp pháp, nên không đặt ra giải quyết.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 260, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Quang T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt bị cáo Trần Quang T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/8/2026). Giao bị cáo Trần Quang T cho Ủy ban nhân

dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 278 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trần Quang T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/8/2026).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Quang T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh (PV06);
- VKSND KV 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND P. Phú An, TP. Hồ Chí Minh;
- Công an P. Phú An, TP. Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường